

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG
Số: 37/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hải Châu, ngày 15 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 12.5.2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1994. Địa chỉ: K33/11 O, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: 90 H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07.6.2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07.6.2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Thành T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Thành T.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Thành T thống nhất thỏa thuận: Giao con chung là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 01.6.2020 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thành T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Ly hôn, các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Thành T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng bà Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà A đã nộp theo biên lai thu số 0005452 ngày 12.5.2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.*

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng
(Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 05/7/2019);
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Phương Thảo

